

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 239/2022/DS-PT
Ngày: 20/12/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên;

Các thẩm phán: Ông Lê Quang Tấn;
Ông Trần Bá Kha.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Đào Thị Ngọc Trâm** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2022/QĐPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Phạm Quốc V**, sinh năm 1978 (Chủ hộ kinh doanh **Phạm Quốc V**. Có mặt).

Địa chỉ: **Ấp L, xã V, huyện U, tỉnh Kiên Giang.**

- *Bị đơn:* Ông **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1965 và bà **Nguyễn Thị V1**, sinh năm 1965 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: **Ấp V, xã V, huyện U, tỉnh Kiên Giang.**

- *Người kháng cáo:* Ông **Phạm Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị V1** - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn anh **Phạm Quốc V** trình bày:* Trong quá trình làm ăn với nhau, anh có thỏa thuận bán các mặt hàng vật tư nuôi trồng thủy sản cho vợ chồng ông **Đ**, bà **V**, cụ thể:

Tổng kết tiền mua thức ăn thỏ, cangk, vôi, gạo từ ngày 15/5/2021 đến ngày 17/8/2021 là 45 bao thỏ, 02 bao mảnh nhỏ và 19 bao cangk, 08 bao vôi đá, 24 bao Deo nhưng ông Đ, bà V chỉ thừa nhận mua 15 bao thỏ, 02 bao mảnh nhỏ, 23 bao Deo và 19 bao cangk, còn lại 30 bao thỏ và 08 bao vôi đá ông Đ, bà V không thừa nhận đã mua.

Tổng số tiền thức ăn thỏ, cangk, vôi, gạo là 40.458.000đ. Ông Đ, bà V có thanh toán được cho anh số tiền là 21.418.000đ có biên lai ghi nhận và còn nợ lại số tiền là 19.040.000đ (Mười chín triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng).

Cụ thể các lần mua mà vợ chồng ông Đ, bà V chưa thanh toán là:

Ngày 07/6/2021, mua 05 bao thỏ 1 ly 4 với giá là 600.000đ/bao x 5 bao = 3.000.000đ.

Ngày 15/6/2021, mua 10 bao thỏ 1 ly 4 với giá là 600.000đ/bao x 10 bao = 6.000.000đ.

Ngày 29/6/2021, mua 10 bao thỏ 1 ly 4 với giá là 600.000đ/bao x 10 bao = 6.000.000đ.

Ngày 30/6/2021, mua 5bao thỏ 1 ly 2 với giá là 600.000đ/bao x 5 bao = 3.000.000đ.

Ngày 03/5/202, mua 03 bao vôi đá x 130.000đ = 390.000đ; Ngày 06/6/2021, mua 03 bao vôi đá x 130.000đ = 390.000đ; Ngày 16/6/2021, mua 02 bao vôi đá x 130.000đ = 260.000đ.

Khi nhận hàng, ông Đ và bà V có ký nhận vào sổ của anh, theo thỏa thuận giữa anh và vợ chồng ông Đ, bà V là sau 03 tháng xỏ tôm sẽ thanh toán hết khoản nợ này nhưng sau khi xỏ tôm xong ông Đ và bà V nói rằng không có nợ số thức ăn và vôi đá nêu trên nên không đồng ý trả. Anh có làm đơn yêu cầu chính quyền cơ sở giải quyết nhưng không thành.

Vì vậy, anh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Đ, bà V trả số tiền còn nợ từ việc mua bán vật tư nuôi trồng thủy sản là 19.040.000đ (Mười chín triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm: Anh Phạm Quốc V yêu cầu rút lại nội dung khởi kiện về 08 bao vôi đá với số tiền là 1.040.000 đồng, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với 30 bao thức ăn thỏ là 18.000.000 đồng.

Bị đơn ông Phạm Văn Đ, bà Nguyễn Thị VI trình bày như sau:

Vợ chồng ông bà hợp đồng với anh Phạm Quốc V vào ngày 06/3/2021 mua thức ăn cho tôm ăn 03 tháng trả tiền, trong quá trình hợp đồng vợ chồng ông, bà có mua các vật tư nuôi trồng thủy sản do anh V bán gồm:

Mua vôi đá 03 lần là 07 bao và trả tiền mặt không có nợ.

Đối với mua thức ăn cho tôm thì có mua nợ, cụ thể:

Lần 1, vào ngày 26/5/2021 (tức là ngày 15/4/2021 âm lịch) là 05 bao thỏ.

Lần 2, vào ngày 02/6/2021 (tức là ngày 22/4/2021 âm lịch) là 05 bao thỏ.

Lần 3, vào ngày 07/6/2021 (tức là ngày 27/4/2021 âm lịch) là 05 bao thê.

Lần 4, vào ngày 15/6/2021 (tức là ngày 06/5/2021 âm lịch) là 10 bao thê.

Tổng cộng là 25 bao thê, khi chưa hết thức ăn thì tôm bị chết, vợ chồng ông, bà có kêu anh **V** trả tiền vào ngày 15/5/2021 âm lịch là 15 bao thê đã lấy vào các lần 1, lần 2 và lần 3 với số tiền là 8.700.000 đồng, giá mỗi bao là 580.000 đồng còn dư lại 10 bao mua lần thứ 4 thì vợ chồng ông, bà kêu anh **V** đem về nhưng anh **V** nói để lại sau này cho tôm ăn tiếp. Đến ngày 30/6/2021 (ngày 21/5/2021 âm lịch) thì vợ chồng ông bà có mua thêm 05 bao thê nữa để cho tôm nhỏ ăn, ăn hết số thức ăn đó thì mới cho ăn sang 10 bao còn dư mua ở lần thứ 4. Như vậy, tổng cộng ông, bà còn nợ tiền mua thức ăn cho thê là 15 bao với số tiền 9.000.000 đồng.

Khi cho ăn hết 10 bao thức ăn đó thì ông, bà bắt tôm trả tiền cho anh **V** hai lần với số tiền tổng cộng là 21.418.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông, bà đã thanh toán cho anh **V** được là 30.118.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông, bà xác định đã trả tiền mua thức ăn tôm cho anh **V** xong và không nợ nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của anh **V**.

Ông **Đ**, bà **V** xác định chữ ký nhận hàng do anh **V** cung cấp, ông bà thừa nhận các chữ ký nhận hàng vào ngày 07/6/2021 dương lịch, mua 05 bao thức ăn thê 1 ly 4 và ngày 15/6/2021 dương lịch, mua 10 bao thức ăn thê 1 ly 4; còn ngày 29/6/2021 dương lịch, mua 10 bao thức ăn thê 1 ly 4 thì không phải chữ ký của ông **Đ** và ông **Đ** không mua, nhận hàng và ngày 30/6/2021 dương lịch, mua 05 bao thức ăn thê 1 ly 2 thì ông **Đ** có nhận nhưng không có ký nhận.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang đã xét xử, quyết định:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh **Phạm Quốc V** đối với vợ chồng ông **Phạm Văn Đ**, bà **Nguyễn Thị V1** về yêu cầu hoàn trả số tiền nợ từ việc mua bán vôi đá với số tiền là 1.040.000đ (Một triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng).

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Phạm Quốc V** đối với vợ chồng ông **Phạm Văn Đ**, bà **Nguyễn Thị V1** về việc mua bán thức ăn cho tôm thê.

Buộc vợ chồng ông **Phạm Văn Đ**, bà **Nguyễn Thị V1** trả cho anh **Phạm Quốc V** số tiền còn nợ từ việc mua bán thức ăn cho tôm thê là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về lãi suất chậm trả, án phí và báo quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định pháp luật.

*Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/9/2022 bị đơn ông **Phạm Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị V1** có đơn kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xem xét lại toàn bộ số tiền ông, bà đã mua thức ăn và trả cho ông **V1** trước đó.*

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông **Phạm Văn Đ**, bà **Nguyễn Thị V1** và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung vụ án, anh **Phạm Quốc V** trình bày vợ chồng ông **Đ**, bà mua thức ăn thề, càng, vôi, gạo từ ngày 15/5/2021 đến ngày 17/8/2021 là 45 bao thề, 02 bao mảnh nhỏ và 19 bao càng, 08 bao vôi đá, 24 bao Deo, với tổng số tiền là 40.458.000 đồng. Ông **Đ**, bà **V** có thanh toán được cho anh **V** số tiền là 21.418.000 đồng có biên lai ghi nhận và còn nợ lại số tiền là 19.040.000đ (Mười chín triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng). Khi làm đơn khởi kiện thì yêu cầu vợ chồng ông **Đ** và bà **V** trả cho anh **V** số tiền 19.040.000 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm anh chỉ yêu cầu vợ chồng ông **Đ**, bà **V** trả cho anh số tiền 18.000.000 đồng. Phía vợ chồng ông **Đ** và bà **V** cho rằng số tiền mua hàng của anh **V** chỉ có 30.118.000 đồng, vợ chồng ông bà đã thanh toán đủ cho anh **V** hai lần, lần đầu trả số tiền là 8.700.000 đồng, lần hai trả 21.418.000 đồng, trong đó có số tiền 9.000.000 đồng ghi trong bản kê thanh toán trả 15 bao thức ăn thề và không còn nợ tiền của anh **V**.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông **Đ**, bà **V**. Hội đồng xét thấy, trong quá trình mua bán, giữa anh **V** và vợ chồng ông **Đ**, bà **V** có ghi sổ để đối chiếu với nhau nhưng do ghi chép trong sổ mua bán, biên nhận hàng, tiền không rõ ràng dẫn đến có sự tranh chấp. Phía nguyên đơn anh **V** cung cấp tài liệu, chứng cứ là cuốn sổ tay ghi nhận hàng hóa do ông **Đ**, bà **V** ký nhận (BL 79, BL 80) thể hiện những lần mua bán này ông **Đ**, bà **V** đều có ký nhận. Vợ chồng ông **Đ**, bà **V** không đồng ý với ý kiến của anh **V**, không thừa nhận chữ ký của mình trong sổ ghi ngày 29/6/2021 và ngày 30/6/2021. Mặt khác, theo đơn yêu cầu đề ngày 02/3/2022 do ông **Phạm Văn Đ** nộp cho Tòa án (BL37), thể hiện nội dung việc mua và thanh toán 02 (hai) lần tổng số tiền 30.118.000 đồng. Lần 01 (một) trả số tiền 8.700.000 đồng và lần 02 (hai) trả số tiền 21.418.000 đồng. Những món hàng trả lần 02 gồm: Ngày 15/6/2021 (06/5/2021 âm lịch) 10 bao = 6.000.000 đồng; Ngày 30/6/2021 (21/5/2021 âm lịch) 05 bao = 3.000.000 đồng; 24 bao veo = 1.800.000 đồng; Thử nhỏ 02 bao = 700.000 đồng; 19 bao càng = 8.930.000 đồng; 01 bao lúa = 394.000 đồng; Gạo cù = 44.000 đồng; 50kg gạo = 550.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, vợ chồng ông **Đ**, bà **V** cho rằng trong quá trình mua thức ăn của ông **V** đợt 02, chỉ ký 04 chữ ký trong sổ ghi chép của ông **Đ**, cụ thể ông **Đ** ký 02 chữ **Đ**, bà **V** ký 02 chữ Việt. Tuy nhiên, ông bà lại trình bày ngày 30/6/2021, ông bà có nhận hàng 05 bao thức ăn thề, không có ký nhận, mặc dù ông bà không ký nhận trong sổ ghi

chép mua bán, biên nhận hàng của anh V nhưng ông bà có lấy hàng và đã trả tiền cho anh V.

[3] Ngoài ra, bị đơn cung cấp sổ ghi chép do anh V đưa cho ông bà để ghi chép, theo dõi việc mua bán và thanh toán tiền cho anh V, ông bà cho rằng khi ông bà mua thức ăn của anh V có nhận hàng là có ký nhận, không nhận hàng thì không ký nhận vào sổ ghi chép của anh V. Còn sổ anh V đưa, ông bà tự ghi, không có chữ ký xác nhận của anh V và anh V cũng không thừa nhận cuốn sổ này, đối chiếu cuốn sổ của anh V cung cấp tại bút lục 77 đến bút lục 84 và cuốn sổ của ông Đ đều ghi không trùng khớp với nhau. Trong quá trình giải quyết ở Tòa cấp sơ thẩm và phúc thẩm, Hội đồng xét xử động viên, hòa giải, tạo điều kiện để các đương sự tự thỏa thuận nhưng không thành và giải thích pháp luật cho ông Đ, bà V biết để thực hiện quyền của mình là yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết theo quy định của pháp luật để chứng minh lời trình bày của mình là có căn cứ. Nhưng ông Đ và bà V không yêu cầu.

Như vậy, theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có quy định đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Do đó, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía vợ chồng ông Đ, bà V kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu của mình là đúng đắn, lời khai của bà mâu thuẫn trước sau, trong khi cuốn sổ ghi chép mua bán, biên nhận hàng, tiền của ông V với số tiền 19.040.000 đồng, nhưng anh V chỉ yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà V trả cho anh số tiền 18.000.000 đồng, có chữ ký của ông Đ, bà V nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Đ, bà V.

[4] Đối với đoạn ghi âm trong USB màu đen, xanh, hiệu Transcend 16GB mà vợ chồng ông Đ nộp cho Tòa án, ông Đ cho rằng vợ chồng ông bà không còn nợ tiền mua bán vật tư nuôi trồng thủy sản của anh V nữa, nhưng vợ chồng ông Đ không có bản trình bày thể hiện trong đoạn ghi âm này, có những ai nói chuyện, nói về vấn đề gì? Tại phiên tòa phúc thẩm phía nguyên đơn ông V không thừa nhận đoạn ghi âm này, mà cho rằng vợ chồng ông Đ, bà V còn thiếu nợ ông V số tiền 19.040.000 đồng, nhưng ông chỉ yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà V trả số tiền 18.000.000 đồng. Tuy nhiên, phía ông Đ, bà V cũng không yêu cầu Tòa án giám định giọng nói trong đoạn ghi âm trên đúng với lời trình bày của vợ chồng ông bà nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc vợ chồng ông Đ, bà V trả cho anh V số tiền 18.000.000 đồng (số tiền mua 30 bao thức ăn cho thẻ chưa thanh toán) là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên nên trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn Đ, bà Nguyễn Thị V1 và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị V1 mỗi người phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông **Phạm Văn Đ** và bà **Nguyễn Thị V1**.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh **Phạm Quốc V** đối với vợ chồng ông **Phạm Văn Đ**, bà **Nguyễn Thị V1** về yêu cầu hoàn trả số tiền nợ từ việc mua bán vôi đá với số tiền là 1.040.000đ (Một triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Phạm Quốc V** đối với vợ chồng ông **Phạm Văn Đ**, bà **Nguyễn Thị V1** về việc mua bán thức ăn cho tôm thẻ.

Buộc vợ chồng ông **Phạm Văn Đ**, bà **Nguyễn Thị V1** trả cho anh **Phạm Quốc V** số tiền còn nợ từ việc mua bán thức ăn cho tôm thẻ là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Hoàn trả cho anh **Phạm Quốc V** tạm ứng án phí với số tiền là 476.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi sáu ngàn đồng), theo biên lai thu số 0003140 ngày 17/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Buộc ông **Phạm Văn Đ**, bà **Nguyễn Thị V1** phải chịu án phí là 900.000đ (Chín trăm ngàn đồng).

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Buộc ông **Phạm Văn Đ**, bà **Nguyễn Thị V1** mỗi người phải nộp án phí số tiền là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Theo đó, được khấu trừ vào tạm ứng án phí với số tiền là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003355 và 0003356, cùng ngày 09/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang (đã nộp xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện U Minh Thượng;
- THA dân sự huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Nhiên